

Phụ lục II

NỘI DUNG CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG LĨNH VỰC PHÍ, LỆ PHÍ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Quy trình: Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (mã thủ tục hành chính: 1.008603).

1.1. Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường (QT-01)

1	Mục đích:
	Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc kê khai, thẩm định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.
2	Phạm vi:
	Áp dụng đối với các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và khoản 1 Điều 4 quy định Phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc Quy định phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; - Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; - Nghị định số 125/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. - Văn bản số 1119/UBND-ĐT ngày 16/4/2021 của UBND Thành phố Hà Nội về việc triển khai thực hiện công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ. - Quyết định số 2113/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực phí, lệ phí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính. - Quyết định số 1023/QĐ-TTPVHCC ngày 01/7/2025 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực phí, lệ phí thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND thành phố Hà Nội.

	- Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc Quy định phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.					
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao			
	- Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp (thời gian kê Tờ khai của Tổ chức, cá nhân tính từ thời gian nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải gần nhất đến thời gian nộp tờ khai hiện tại) <i>(theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020)</i>	x				
	- Chứng từ tạm nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp vào tài khoản thu phí của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội theo Tờ khai nộp gần nhất và Tờ khai nộp hiện tại <i>(theo điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP quy định: Đối tượng nộp phí kê khai và nộp phí vào tài khoản của Tổ chức thu phí)</i>		x			
	- Các tài liệu kèm theo (nếu có): hóa đơn tiền nước, kết quả quan trắc định kỳ, bảng kê tính nước thải đối với các thông số TSS, COD (trường hợp có quan trắc tự động) trong kỳ kê khai phí,...		x			
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ					
3.4	Thời gian xử lý:					
	10 ngày làm việc (theo điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP) kể từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội - Chi nhánh số 01 nhận được Tờ khai phí					
3.5	Cách thức nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:					
	Cách 1: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội. Cách 2: Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật. Cách 3: Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Quốc gia: Toàn trình					
3.6	Phí, Lệ phí: không					
3.7	Quy trình xử lý công việc					
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả		
B1	Nộp và tiếp nhận hồ sơ: 1. Nộp hồ sơ:	- Cơ sở	Giờ hành chính			

	- Cơ sở lựa chọn hình thức nhận kết quả: Trực tiếp/trực tuyến/bưu chính. - Nộp phí bảo vệ môi trường vào tài khoản tạm thu phí của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Nộp tiền tại Kho bạc Nhà nước Hà Nội: 3511.0.1058596 - Tại Phòng giao dịch số 4, Kho bạc nhà nước khu vực I; Đơn vị thụ hưởng: Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội. - Hoặc nộp tiền tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV, Chi nhánh Ngọc Khánh: Số tài khoản: 8680004687; Đơn vị thụ hưởng: Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội. 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định của pháp luật. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì từ chối tiếp nhận - Trường hợp hồ sơ đã bảo đảm tính đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện tiếp bước B2	- Cán bộ của Trung tâm Phục vụ hành chính công		- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
B2	- TTPVHCC chuyển hồ sơ về Sở NN&MT. - Chuyển hồ sơ đã nhận trình Lãnh đạo Sở giao việc. - Chuyển phòng chuyên môn giải quyết hồ sơ.	- Cán bộ của Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Sở NN&MT - Lãnh đạo Sở. - Lãnh đạo phòng chuyên môn	Giờ hành chính 01 ngày	- Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
B3	Giao Chuyên viên giải quyết hồ sơ	- Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Chuyên viên	0,5 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
Trường hợp 1: hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết				

B4.1.1	Chuyên viên giải quyết hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, lập báo cáo và dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo phòng, chuyên Chánh Văn phòng Sở ký Thông báo.	- Chuyên viên giải quyết HS. - Lãnh đạo phòng chuyên môn. - Chánh Văn phòng Sở.	5,0 ngày	- Dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.
B4.1.2	Phát hành Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	- Chuyên viên giải quyết HS. - Sở NN&MT - TTPVHCC	1,0 ngày	Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.
B4.1.3	Chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công để trả cho tổ chức, cá nhân.	- Sở NN&MT - TTPVHCC	1,0 ngày	Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.
B4.1.4	TTPVHCC trả hồ sơ và Thông báo cho tổ chức, cá nhân.	TTPVHCC	Giờ hành chính	Trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.
Trường hợp 2: hồ sơ đủ điều kiện giải quyết				
B4.2.1	Chuyên viên giải quyết hồ sơ rà soát số liệu kê khai của người nộp phí; tính phí; dự thảo Thông báo phí	Chuyên viên giải quyết HS.	06 ngày	- Kết quả thẩm định phí - Phiếu trình ký - Thông báo phí theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 53/2020/NĐ-CP - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - Chuyển tiếp trên HTTT GQ TTHC TP.
B4.2.2	Lãnh đạo Phòng chuyên môn Rà soát, ký kết quả thẩm định phí và ký nháy dự thảo Thông báo phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	- Lãnh đạo phòng chuyên môn. - Lãnh đạo Sở.	02 ngày	- Dự thảo Thông báo phí.

	Lãnh đạo Sở xem xét ký Thông báo phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp			- Dự thảo Thông báo phí.
B4.2.3	Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (lấy số, phát hành), chuyển kết quả về TTPVHCC để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	- Chuyên viên giải quyết HS. - Sở NN&MT	1,0 ngày	- Thông báo phí được bàn giao. - Chuyển tiếp trên HTTT GQ TTHC TP.
B5	Trả kết quả	TTPVHCC	Giờ hành chính	Thông báo phí theo Bước B4.2.3
4	Biểu mẫu			
	Mẫu Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp (<i>theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020</i>).			

**MẪU TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP**
Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020

TÊN NGƯỜI NỘP PHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Quý Năm

Kính gửi:.....

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên người nộp phí:

Địa chỉ:

MST:																			
------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Điện thoại: Fax: Email:

Tài khoản số: Tại ngân hàng:.....

Lĩnh vực sản xuất, chế biến:

Lượng nước sử dụng trung bình hàng ngày (m³):.....

Phương pháp xử lý nước thải:

Lượng nước thải trung bình trong năm tính phí (m³/ngày):

II. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG QUÝ TÍNH PHÍ

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này: $f =$ đồng

2. Số phí biến đổi phải nộp trong quý:

a) Tổng lượng nước thải trong quý (m³):

Căn cứ để kê khai tổng lượng nước thải trong quý:

b) Hàm lượng thông số ô nhiễm trong nước thải tính phí:

Thông số ô nhiễm	Hàm lượng (mg/l)	Căn cứ để kê khai hàm lượng thông số ô nhiễm (Ghi rõ tên đơn vị phân tích, thời gian phân tích)

c) Số phí biến đổi phải nộp trong quý: $C_q =$ đồng

3. Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước:

Số TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Số phí phát sinh quý này $F_q = (f/4) + C_q$	
2	Số phí từ quý trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có)	
3	Số phí nộp thừa từ quý trước (nếu có)	
4	Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước $(1 + 2 - 3)$	

III. SỐ TIỀN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI PHẢI NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC KỲ NÀY LÀ

(viết bằng chữ)

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị./.

Cơ quan tiếp nhận, thẩm định
Tờ khai phí
ngày
(Người nhận ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày...tháng....năm....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ KHAI,
NỘP PHÍ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

1.2. Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã (QT-01)

1	Mục đích:		
	Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc kê khai, thẩm định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.		
2	Phạm vi:		
	Áp dụng đối với các đối tượng được quy định tại Điều 2 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và khoản 2 Điều 4 quy định Phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc Quy định phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; - Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; - Nghị định số 125/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. - Văn bản số 1119/UBND-ĐT ngày 16/4/2021 của UBND Thành phố Hà Nội về việc triển khai thực hiện công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ. - Quyết định số 2113/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực phí, lệ phí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính. - Quyết định số 1023/QĐ-TTPVHCC ngày 01/7/2025 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực phí, lệ phí thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND thành phố Hà Nội. - Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc Quy định phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp (thời gian kê Tờ khai của Tổ chức, cá nhân tính từ thời gian nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải gần nhất đến thời gian nộp tờ khai hiện tại) (theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020)	x	

	- Chứng từ tạm nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp vào tài khoản thu phí của UBND cấp xã theo Tờ khai nộp gần nhất và Tờ khai nộp hiện tại <i>(theo điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP quy định: Đối tượng nộp phí kê khai và nộp phí vào tài khoản của Tổ chức thu phí)</i>		X	
	- Các tài liệu kèm theo (nếu có): hóa đơn tiền nước, kết quả quan trắc định kỳ,...			X
	- Các tài liệu kèm theo (nếu có): hóa đơn tiền nước, kết quả quan trắc định kỳ,...			X
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý:			
	10 ngày làm việc (theo điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP) kể từ ngày Chi nhánh Trung tâm PVHCC Thành phố/Điểm phục vụ hành chính công cấp xã nhận được Tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp			
3.5	Cách thức nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:			
	Cách 1: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội, địa điểm tiếp nhận và trả kết quả của các xã, phường, sau đây gọi chung là Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã. Cách 2: Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật. Cách 3: Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Quốc gia: Toàn trình			
3.6	Phí, Lệ phí: không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả

B1	Nộp và tiếp nhận hồ sơ: 1. Nộp hồ sơ: - Cơ sở lựa chọn hình thức nhận kết quả: Trực tiếp/trực tuyến/bưu chính. - Nộp phí bảo vệ môi trường vào tài khoản tạm thu phí của UBND phường, xã 2. Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định của pháp luật. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì từ chối tiếp nhận - Trường hợp hồ sơ đã bảo đảm tính đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện tiếp bước B2	- Cơ sở - Cán bộ của Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
B2	- Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ về UBND cấp xã - Trình Lãnh đạo UBND cấp xã giao việc	- Cán bộ của Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã - Lãnh đạo UBND cấp xã - Phòng chuyên môn	Giờ hành chính 1,0 ngày	1. Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả 2. Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
B3	Phòng chuyên môn chuyển Chuyên viên thụ lý giải quyết	- Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Chuyên viên thụ lý	0,5 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
Trường hợp 1: hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết				
B4.1.1	Chuyên viên giải quyết hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, lập báo cáo và dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo phòng, lãnh đạo cấp xã ký Thông báo.	- Chuyên viên giải quyết HS. - Lãnh đạo phòng chuyên môn. - Lãnh đạo cấp xã	5,0 ngày	- Dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.

B4.1.2	Phát hành Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	- Chuyên viên giải quyết HS. - Văn thư cấp xã - Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	1,0 ngày	Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.
B4.1.3	Chuyển hồ sơ về Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã để gửi cho tổ chức, cá nhân	- Văn thư cấp xã - Cán bộ của Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	1,0 ngày	Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.
B4.1.4	Trả hồ sơ	Cán bộ của Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	Giờ hành chính	Trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.
Trường hợp 2: hồ sơ đủ điều kiện giải quyết				
B4.2.1	Chuyên viên giải quyết hồ sơ rà soát số liệu kê khai của người nộp phí; tính phí; dự thảo Thông báo phí	Chuyên viên giải quyết HS.	06 ngày	- Kết quả thẩm định phí - Phiếu trình ký - Thông báo phí theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 53/2020/NĐ-CP - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - Chuyển tiếp trên HTTT GQ TTHC TP.
B4.2.2	Lãnh đạo Phòng chuyên môn Rà soát, ký kết quả thẩm định phí và ký nháy dự thảo Thông báo phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	- Lãnh đạo phòng chuyên môn. - Lãnh đạo cấp xã	02 ngày	- Dự thảo Thông báo phí.
	Lãnh đạo cấp xã xem xét ký Thông báo phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp			- Dự thảo Thông báo phí.

B4.2.3	Chuyên viên Thông báo phí (lấy số, phát hành). Chuyển Thông báo phí về Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	- Chuyên viên giải quyết HS. - Văn thư cấp xã - Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	0,5 ngày	- Thông báo phí được bàn giao. - Chuyển tiếp trên HTTT GQ TTHC TP.
B5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	Giờ hành chính	Theo kết quả Bước B4.2.3
4	Biểu mẫu			
	Mẫu Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp (<i>theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020</i>).			

**MẪU TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP**
Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020

TÊN NGƯỜI NỘP PHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP

Quý Năm

Kính gửi:.....

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên người nộp phí:

Địa chỉ:

MST:																			
------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Điện thoại: Fax: Email:

Tài khoản số: Tại ngân hàng:.....

Lĩnh vực sản xuất, chế biến:

Lượng nước sử dụng trung bình hàng ngày (m³):.....

Phương pháp xử lý nước thải:

Lượng nước thải trung bình trong năm tính phí (m³/ngày):

II. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG QUÝ TÍNH PHÍ

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này: $f =$ đồng

2. Số phí biến đổi phải nộp trong quý:

a) Tổng lượng nước thải trong quý (m³):

Căn cứ để kê khai tổng lượng nước thải trong quý:

b) Hàm lượng thông số ô nhiễm trong nước thải tính phí:

Thông số ô nhiễm	Hàm lượng (mg/l)	Căn cứ để kê khai hàm lượng thông số ô nhiễm (Ghi rõ tên đơn vị phân tích, thời gian phân tích)

c) Số phí biến đổi phải nộp trong quý: $C_q =$ đồng

3. Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước:

Số TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Số phí phát sinh quý này $F_q = (f/4) + C_q$	
2	Số phí từ quý trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có)	
3	Số phí nộp thừa từ quý trước (nếu có)	
4	Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước $(1 + 2 - 3)$	

III. SỐ TIỀN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI PHẢI NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC KỲ NÀY LÀ

(viết bằng chữ)

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị./.

Cơ quan tiếp nhận, thẩm định
Tờ khai phí
ngày
(Người nhận ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày...tháng....năm....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ KHAI,
NỘP PHÍ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

2. Quy trình: Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với khí thải (Mã thủ tục hành chính 1.013040)

2.1. Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường (QT-02)

1	Mục đích:		
	Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc kê khai, thẩm định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.		
2	Phạm vi:		
	Áp dụng đối với đối tượng được quy định khoản 1 Điều 2 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải và theo quy định phân cấp của UBND Thành phố và khoản 1 Điều 4 quy định Phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc Quy định phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; - Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019; - Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải. - Nghị định số 125/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. - Quyết định số 2113/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực phí, lệ phí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính. - Quyết định số 1023/QĐ-TTPVHCC ngày 01/7/2025 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực phí, lệ phí thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND thành phố Hà Nội. - Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc Quy định phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải (thời gian kê Tờ khai của Tổ chức, cá nhân tính từ thời gian nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải gần nhất đến thời gian nộp tờ khai hiện tại) (theo Mẫu	X	

	số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024)			
	- Chứng từ nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải vào tài khoản thu phí của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội theo Tờ khai nộp gần nhất và Tờ khai nộp hiện tại (theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024: Đối tượng nộp phí nộp tờ khai và nộp phí cho tổ chức thu phí)			X
	- Các tài liệu kèm theo (nếu có): kết quả quan trắc định kỳ, bảng kê tính khí thải đối với các thông số có quan trắc tự động trong kỳ kê khai phí,.....			X
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý:			
	40 ngày làm việc trong đó: 30 ngày thẩm định và 10 ngày thông báo nộp phí (theo khoản 2 Điều 7 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP) kể từ ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội - Chi nhánh số 01 nhận được Tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với khí thải			
3.5	Cách thức nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:			
	Cách 1: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội. Cách 2: Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật. Cách 3: Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Quốc gia: Toàn trình.			
3.6	Phí, Lệ phí: không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nộp và tiếp nhận hồ sơ: 1. Nộp hồ sơ: - Cơ sở lựa chọn hình thức nhận kết quả: Trực tiếp/trực tuyến/bưu chính. - Nộp phí bảo vệ môi trường vào tài khoản tạm thu phí của Sở Nông nghiệp và Môi trường - Nộp tiền tại Kho bạc Nhà nước Hà Nội: 3511.0.1058596 - Tại Phòng giao dịch số 4, Kho bạc nhà nước khu vực I; Đơn vị thụ	- Cơ sở	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.

	hưởng: Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội. - Hoặc nộp tiền tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV, Chi nhánh Ngọc Khánh: Số tài khoản: 8680004687; Đơn vị thụ hưởng: Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội. 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định của pháp luật. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì từ chối tiếp nhận - Trường hợp hồ sơ đã bảo đảm tính đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện tiếp bước B2.	- Cán bộ của Trung tâm Phục vụ hành chính công		
B2	- TTPVHCC chuyển hồ sơ về Sở NN&MT. - Chuyển hồ sơ đã nhận trình Lãnh đạo Sở giao việc. - Chuyển phòng chuyên môn giải quyết hồ sơ.	- Cán bộ của Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Sở NN&MT - Lãnh đạo Sở. - Lãnh đạo phòng chuyên môn	Giờ hành chính 1,0 ngày	1. Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. 2. Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
B3	Giao Chuyên viên giải quyết hồ sơ	- Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Chuyên viên	0,5 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
Trường hợp 1: hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết				
B4.1.1	Chuyên viên giải quyết hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, lập báo cáo và dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo phòng, chuyển Chánh Văn phòng Sở ký Thông báo.	- Chuyên viên giải quyết HS. - Lãnh đạo phòng Quản lý môi trường - Chánh Văn phòng Sở.	5,0 ngày	- Dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.

B4.1.2	Phát hành Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	- Chuyên viên giải quyết HS. - Sở NN&MT - TTPVHCC	1,0 ngày	Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.
B4.1.3	Chuyển hồ sơ về TTPVHCC	- Văn thư Sở - TTPVHCC	1,0 ngày	Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.
B4.1.4	TTPVHCC trả hồ sơ và Thông báo cho tổ chức, cá nhân.	- TTPVHCC	Giờ hành chính	Trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.
Trường hợp 2: hồ sơ đủ điều kiện giải quyết				
B4.2.1	Chuyên viên giải quyết hồ sơ rà soát số liệu kê khai của người nộp phí; tính phí; dự thảo Thông báo phí	Chuyên viên giải quyết HS.	32 ngày	- Kết quả thẩm định phí - Phiếu trình ký - Thông báo phí theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 153/2024/NĐ-CP - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - Chuyển tiếp trên HTTT GQ TTHC TP.
B4.2.2	Lãnh đạo phòng rà soát, ký kết quả thẩm định phí và ký nháy dự thảo Thông báo phí BVMT đối với khí thải	- Lãnh đạo phòng Quản lý môi trường. - Lãnh đạo Sở	5,0 ngày	- Dự thảo thông báo phí.
	Lãnh đạo Sở xem xét ký Thông báo phí BVMT đối với khí thải			- Dự thảo thông báo phí.
B4.2.3	Chuyên viên hoàn thiện hồ sơ (lấy số, phát hành), chuyển kết quả về TTPVHCC để trả kết quả cho chủ dự án.	- Chuyên viên giải quyết HS. - Sở NN&MT - TTPVHCC	1,5 ngày	- Thông báo phí được bàn giao. - Chuyển tiếp trên HTTT GQ TTHC TP.

B5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	- TTPVHCC	Giờ hành chính	Theo kết quả Bước B4.2.3
4	Biểu mẫu			
	Mẫu Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải (<i>theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024</i>).			

**MẪU TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI KHÍ THẢI**

Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024

TÊN NGƯỜI NỘP PHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

Quý.... Năm

Kính gửi:

A. THÔNG TIN CHUNG

Tên người nộp phí:

.....

Địa chỉ:

.....

MST:

Điện thoại..... Fax:..... Email:

.....

Tài khoản số:..... Tại ngân hàng:

.....

Loại hình, lĩnh vực sản xuất:

.....

Khí thải phát sinh từ cơ sở thuộc đối tượng chịu phí theo quy định như sau: (Kê khai các dòng khí thải phải tính phí của cơ sở)

B. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG KỲ TÍNH PHÍ

i. Thông tin về dòng khí thải thứ i

i.1. Tổng thời gian xả khí thải trong kỳ tính phí (giờ):

i.2. Lưu lượng khí thải phát sinh ($\text{Nm}^3/\text{giờ}$):

.....

i.3. Số phí biến đổi của từng chất ô nhiễm trong khí thải:

Thông số ô nhiễm	Nồng độ (mg/Nm^3)	Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ i (C_i)
------------------	--	---

Bụi		
NO _x (gồm NO ₂ và NO)		
SO _x		
CO		

i.4. Căn cứ để kê khai nồng độ từng thông số ô nhiễm trong khí thải (*Ghi rõ tên đơn vị phân tích, thông tin phiếu kết quả quan trắc môi trường*):

C. SỐ PHÍ BIẾN ĐỔI PHẢI NỘP TRONG KỲ ($C = \sum C_i$)*

C = đồng.

D. SỐ TIỀN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI PHẢI NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này = đồng.

2. Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước:

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Số phí phát sinh trong kỳ $F = f/4 + C$	
2	Số phí từ kỳ trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có)	
3	Số phí nộp thừa từ kỳ trước (nếu có)	
4	Số phí còn phải nộp vào ngân sách nhà nước $(1 + 2 - 3)$	

3. Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khí thải phải nộp vào ngân sách nhà nước (*Viết bằng chữ*):

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị.

Cơ quan tiếp nhận, thẩm định
Tờ khai phí
Tờ khai phí ngày
(Người nhận ký và ghi rõ họ tên/Ký số)

...., ngày ... tháng ... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
KHAI, NỘP PHÍ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu/Ký điện tử/Ký số)

2.2. Trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã (QT-01)

1	Mục đích:		
	Quy định nội dung, trình tự thực hiện việc kê khai, thẩm định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả và đúng thời gian quy định.		
2	Phạm vi:		
	Áp dụng đối với đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải và theo phân cấp của UBND Thành phố và khoản 2 Điều 4 quy định Phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc Quy định phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; - Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019; - Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải. - Nghị định số 125/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. - Quyết định số 2113/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực phí, lệ phí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính. - Quyết định số 1023/QĐ-TTPVHCC ngày 01/7/2025 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực phí, lệ phí thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND thành phố Hà Nội. - Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc Quy định phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải (thời gian kê Tờ khai của Tổ chức, cá nhân tính từ thời gian nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải gần nhất đến thời gian nộp tờ khai hiện tại) (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024)	X	

	- Chứng từ nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải vào tài khoản thu phí của UBND cấp xã theo Tờ khai nộp gần nhất và Tờ khai nộp hiện tại (<i>theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024: Đối tượng nộp phí nộp tờ khai và nộp phí cho tổ chức thu phí</i>)			X
	- Các tài liệu kèm theo (nếu có): kết quả quan trắc định kỳ,...			X
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý:			
	40 ngày làm việc trong đó: 30 ngày thẩm định và 10 ngày thông báo nộp phí (theo khoản 2 Điều 7 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP) kể từ ngày Chi nhánh Trung tâm PVHCC Thành phố/Điểm phục vụ hành chính công cấp xã nhận được Tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.			
3.5	Cách thức nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:			
	Cách 1: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội, địa điểm tiếp nhận và trả kết quả của các xã, phường, sau đây gọi chung là Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã. Cách 2: Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật. Cách 3: Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Quốc gia: Toàn trình			
3.6	Phí, Lệ phí: không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nộp và tiếp nhận hồ sơ: 1. Nộp hồ sơ: - Cơ sở lựa chọn hình thức nhận kết quả: Trực tiếp/trực tuyến/bưu chính. - Nộp phí bảo vệ môi trường vào tài khoản tạm thu phí của Sở Nông nghiệp và Môi trường 2. Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã tiếp nhận hồ sơ theo quy định kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định của pháp luật.	- Cơ sở - Cán bộ Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.

	- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì từ chối tiếp nhận - Trường hợp hồ sơ đã bảo đảm tính đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện tiếp bước B1.1			
B2	- Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ về UBND cấp xã - Trình Lãnh đạo UBND cấp xã giao việc	- Cán bộ Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã - Lãnh đạo UBND cấp xã - Phòng chuyên môn	Giờ hành chính 1,0 ngày	1. Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. 2. Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
B3	Phòng chuyên môn chuyển Chuyên viên thụ lý giải quyết	- Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Chuyên viên thụ lý	1,0 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
Trường hợp 1: hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết				
B4.1.1	Chuyên viên giải quyết hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, lập báo cáo và dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở ký Thông báo.	- Chuyên viên giải quyết HS. - Lãnh đạo phòng Quản lý môi trường. - Lãnh đạo xã.	5,0 ngày	- Dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.
B4.1.2	Phát hành Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	- Chuyên viên giải quyết HS. - Văn thư cấp xã	1,0 ngày	Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.
B4.1.3	Chuyển hồ sơ về Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã để gửi cho tổ chức, cá nhân	- Văn thư cấp xã - Cán bộ của Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	1,0 ngày	Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.
B4.1.4	Trả hồ sơ	Cán bộ của Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả	Giờ hành chính	Trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

		TTHC cấp xã		
	Trường hợp 2: hồ sơ đủ điều kiện giải quyết			
B4.2.1	Chuyên viên giải quyết hồ sơ rà soát số liệu kê khai của người nộp phí; tính phí; dự thảo Thông báo phí	Chuyên viên giải quyết HS.	32 ngày	- Kết quả thẩm định phí - Phiếu trình ký - Thông báo phí theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 153/2024/NĐ-CP - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ. - Chuyển tiếp trên HTTT GQ TTHC TP.
B4.2.2	Lãnh đạo phòng rà soát, ký kết quả thẩm định phí và ký nháy dự thảo Thông báo phí BVMT đối với khí thải	- Lãnh đạo phòng chuyên môn. - Lãnh đạo cấp xã	5,0 ngày	- Dự thảo thông báo phí.
	Lãnh đạo cấp xã xem xét ký Thông báo phí BVMT đối với khí thải			- Dự thảo thông báo phí.
B4.2.3	Chuyên viên Thông báo phí (lấy số, phát hành). Chuyển Thông báo phí về Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	- Chuyên viên giải quyết HS. - Văn thư cấp xã - Đơn vị tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	1,5 ngày	- Thông báo phí được bàn giao. - Chuyển tiếp trên HTTT GQ TTHC TP.
B5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.	- Văn thư cấp xã - Đơn vị tiếp nhận và trả	Giờ hành chính	Theo kết quả Bước B4.2.3

		kết quả TTHC cấp xã		
4	Biểu mẫu			
	Mẫu Tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải (<i>theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024</i>).			

**MẪU TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI KHÍ THẢI**
Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024

TÊN NGƯỜI NỘP PHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI NỘP PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

Quý.... Năm

Kính gửi:

A. THÔNG TIN CHUNG

Tên người nộp phí:

.....

Địa chỉ:

.....

MST:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

.....

Tài khoản số:..... Tại ngân hàng:

.....

Loại hình, lĩnh vực sản xuất:

.....

Khí thải phát sinh từ cơ sở thuộc đối tượng chịu phí theo quy định như sau: (Kê khai các dòng khí thải phải tính phí của cơ sở)

B. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG TRONG KỲ TÍNH PHÍ

i. Thông tin về dòng khí thải thứ i

i.1. Tổng thời gian xả khí thải trong kỳ tính phí (giờ):

i.2. Lưu lượng khí thải phát sinh (Nm³/giờ):

.....

i.3. Số phí biến đổi của từng chất ô nhiễm trong khí thải:

Thông số ô nhiễm	Nồng độ (mg/Nm ³)	Số phí biến đổi của từng chất gây ô nhiễm môi trường có trong khí thải tại dòng khí thải thứ i (C _i)
Bụi		

NO _x (gồm NO ₂ và NO)		
SO _x		
CO		

i.4. Căn cứ để kê khai nồng độ từng thông số ô nhiễm trong khí thải (*Ghi rõ tên đơn vị phân tích, thông tin phiếu kết quả quan trắc môi trường*):

C. SỐ PHÍ BIẾN ĐỔI PHẢI NỘP TRONG KỲ ($C = \sum C_i$)*

C = đồng.

D. SỐ TIỀN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI PHẢI NỘP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Số phí cố định phải nộp kỳ này = đồng.

2. Số phí phải nộp vào ngân sách nhà nước:

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Số phí phát sinh trong kỳ $F = f/4 + C$	
2	Số phí từ kỳ trước chưa nộp hoặc nộp thiếu (nếu có)	
3	Số phí nộp thừa từ kỳ trước (nếu có)	
4	Số phí còn phải nộp vào ngân sách nhà nước $(1 + 2 - 3)$	

3. Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khí thải phải nộp vào ngân sách nhà nước (*Viết bằng chữ*):

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên đây là đúng với thực tế hoạt động của đơn vị.

Cơ quan tiếp nhận, thẩm định
Tờ khai phí
Tờ khai phí ngày
(Người nhận ký và ghi rõ họ tên/Ký số)

....., ngày ... tháng ... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
KHAI, NỘP PHÍ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu/Ký điện tử/Ký số)